

Bản án số: 199/2025/HS-PT

Ngày: 19/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

- Công chức tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Tiến D, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 911/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Đàm Quang H phạm tội “Tham ô tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đàm Quang H, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu F, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Quang L và bà Trương Thị H1; vợ là Trần Thị Vân A và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Ông Hoàng Ngọc Thanh B, luật sư văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH K1

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1983 - Giám đốc Công ty TNHH K1, chi nhánh H5. Trú tại: Số B, tổ D, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mai T1, sinh năm 1987. Trú tại: Tiểu khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23/3/2023, Đàm Quang H là kế toán phụ trách của Công ty TNHH K1, chi nhánh H5 có địa chỉ tại tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến Công ty thực hiện các công việc hàng ngày và thu tiền bán hàng của khách hàng. Do bà Nguyễn Thị Mai T1, Thủ quỹ của Công ty bận việc riêng của gia đình nên bà T1 báo cáo Lãnh đạo Công ty để xin phép được nghỉ làm từ sáng ngày 24/3/2023. Theo chỉ đạo của bà Phạm Thị Phương T, Giám đốc chi nhánh, trước khi nghỉ bà T1 tiến hành bàn giao tiền mặt tồn quỹ cho Đàm Quang H để H nộp tiền vào tài khoản Công ty. Tại biên bản bàn giao quỹ tiền mặt số 01B/2023/BBBG-CNHB lập vào hồi 08 giờ ngày 23/3/2023, Đàm Quang H đã được bà T1 bàn giao tổng số tiền là 837.409.000 đồng. Cũng trong sáng ngày 23/3/2023, bà T1 tiếp tục bàn giao cho H 175.073.000 đồng tiền do các lái xe bàn giao cho bà T1 trong ngày.

Từ sáng ngày 24/3/2023 đến hết ngày 26/3/2023, Đàm Quang H trực tiếp thực hiện việc thu tiền bán hàng của các lái xe. Quá trình thu nộp tiền được theo dõi, ghi chép trong “Sổ thu tiền mặt tháng 3/2023” của Công ty. Đối với mỗi khoản tiền thu được, H là người trực tiếp ghi số tiền và yêu cầu lái xe ký tên xác nhận. Sáng ngày 27/3/2023, bà T1 đến Công ty làm việc, cùng với H thu tiền của các lái xe. Do bà T1 chưa nhận bàn giao lại quỹ tiền mặt nên số tiền thu được trong ngày, bà T1 vẫn giao lại cho H để H đi nộp vào tài khoản Công ty. Do đó, từ ngày 23/3/2023 đến ngày 27/3/2023, H đã nhận và quản lý 2.571.868.000 đồng, bao gồm tiền do Thủ quỹ bàn giao và các khoản thu tiền bán hàng phát sinh. Việc thu nộp, quản lý, sử dụng số tiền trên cụ thể như sau:

- Đối với tiền mặt: Số tiền Đàm Quang H được thủ quỹ bàn giao và trực tiếp thu của lái xe là 1.860.842.000 đồng, trong đó: số tiền 837.409.000 đồng là tiền mặt tồn quỹ do bà T1 bàn giao; số tiền 482.073.000 đồng là tiền bà T1 thu của các lái xe bán hàng vào sáng ngày 23/3/2023 và sáng ngày 27/3/2023 bàn giao lại cho H; số tiền 541.360.000 đồng là tiền H trực tiếp thu của các lái xe.

- Đối với các khoản tiền lái xe bán hàng thanh toán về Công ty qua tài khoản của Đàm Quang H cũng như các đại lý thanh toán tiền mua hàng với tổng số tiền là 711.026.000 đồng.

Sau khi được nhận bàn giao và thu được các khoản tiền mặt như trên, từ ngày 23/3/2023 đến ngày 27/3/2023, H mang tiền mặt đến ngân hàng B1 chi nhánh huyện L để nộp vào tài khoản số 45510000729300 của Công ty TNHH K1, chi nhánh H5. Theo quy định của Công ty, H phải nộp toàn bộ tiền vào tài khoản của Công ty nhưng H chỉ nộp một phần tiền đã thu vào tài khoản của Công ty, với tổng số tiền là 1.055.000.000 đồng, cụ thể: ngày 23/3/2023 nộp 345.000.000 đồng; ngày 24/3/2023 nộp 230.000.000 đồng; ngày 27/3/2023 nộp 480.000.000 đồng. Còn lại số tiền 805.842.000 đồng H không nộp vào tài khoản, không báo cáo lãnh đạo Công ty mà tự ý giữ lại, cụ thể:

- Ngày 23/3/2023: Tổng tiền mặt nhận bàn giao từ bà Nguyễn Thị Mai T1 là 1.012.792.000 đồng; H trực tiếp thu tiền mặt của lái xe là 123.864.000 đồng, đã nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty 345.000.000 đồng, H tự ý giữ lại số tiền 791.656.000 đồng;

- Ngày 24/3/2023: H trực tiếp thu tiền mặt của lái xe số tiền 304.296.000 đồng, đã nộp vào tài khoản Công ty số tiền 230.000.000 đồng, tự ý giữ lại số tiền 74.296.000 đồng;

- Ngày 25/3/2023: Hân trực tiếp thu của lái xe số tiền 87.300.000 đồng nhưng không nộp vào tài khoản Công ty, tự ý giữ lại;

- Ngày 27/3/2023: H nhận bàn giao từ bà T1 số tiền 306.690.000 đồng, thu của lái xe 25.900.000 đồng; đã nộp vào tài khoản Công ty số tiền 480.000.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là do H đến ngân hàng B1 chi nhánh huyện L thực hiện giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản cá nhân.

- Số tiền 711.026.000 đồng còn lại trong tài khoản, H đã chuyển khoản để chi trả các khoản tiền cần thanh toán đúng theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty, chỉ còn tồn 51.000 đồng trong tài khoản. Kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng S2 (tài khoản Đàm Quang H) từ ngày 22/3/2023 (số dư ban đầu là 3.225.000 đồng) thể hiện các khoản tiền chuyển vào toàn bộ là tiền lái xe bán hàng cho Công ty.

- Ngoài ra, trong thời gian trên H xuất quỹ Công ty cho Nguyễn Tiến S (lái xe) ứng 10.000.000 đồng, chi tiền mua vòng bi cho Nguyễn Văn T2 (bộ phận sản xuất) 4.810.000 đồng và số tiền thực tế thu của lái xe bị thiếu số tiền là 269.000 đồng.

Chiều ngày 27/3/2023, sau khi bà T1 đến Công ty làm việc, bà T1 kiểm tra, đối chiếu chứng từ phát hiện tiền gửi trong tài khoản ngân hàng của Công ty bị thiếu hụt. Đồng thời bà T1 phát hiện các giao dịch chuyển tiền của Công ty từ tài khoản cá nhân của Đàm Quang H vào tài khoản Công ty không đầy đủ so với thực tế thu. Bà T1 báo cáo lại sự việc trên với bà Phạm Thị Phương T - Giám đốc chi nhánh. Sau khi phát hiện sự việc, bà T liên hệ với H để hỏi về việc thiếu hụt quỹ thì H báo cáo đã tiêu chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Từ rạng sáng ngày 28/3/2023 đến ngày 03/4/2023, Đàm Quang H nhắn nhiều tin nhắn qua tài khoản cá nhân trên ứng dụng Zalo cho bà Lương Thị S1 - Chủ sở hữu Công ty TNHH K1 về việc do gia đình H có việc riêng cần tiền gấp nên H đã tự ý dùng hơn 800 triệu đồng của Công ty để chi tiêu cá nhân nhưng chưa có tiền để hoàn trả, H xin thời hạn để hoàn trả tiền cho Công ty nhưng không được phía bà S1 chấp thuận.

Sau khi xác định số tiền H còn giữ của Công ty là 870.763.000 đồng, sáng ngày 28/3/2023 Công ty TNHH K1, chi nhánh H5 tổ chức họp yêu cầu H nộp lại số tiền trên về Công ty nhưng H không nộp lại được tiền, H trình bày đã sử dụng toàn bộ tiền để chi tiêu việc gia đình. Công ty TNHH K1 đã lập biên bản sự việc với Đàm Quang H. Đồng thời H viết bản tường trình gửi Lãnh đạo Công ty về việc H đã tự ý sử dụng tiền của Công ty để chi tiêu vào việc cá nhân và đề nghị Công ty cho H thời gian để khắc phục lại tiền, trừ dần qua lương tháng. Lãnh đạo Công ty không đồng ý do từ ngày 23/3/2023, H đã nhiều lần không nộp đầy

đủ tiền vào tài khoản của Công ty, vi phạm quy chế của Công ty, tự ý sử dụng tiền của Công ty vào việc cá nhân gây thiệt hại cho Công ty. Ngày 03/4/2023, bà Phạm Thị Phương T gửi đơn tố giác về hành vi vi phạm pháp luật của Đàm Quang H đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H.

Tại Kết luận giám định số 313/KL-KTHS ngày 31/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Chữ ký đề tên Đàm Quang H trong Biên bản sự việc đề ngày 27/3/2023 của Công ty TNHH K1, chi nhánh H5 và chữ viết, chữ ký trên nội dung bản tường trình ngày 28/3/2023 đề tên Đàm Quang H và so với chữ do Đàm Quang H viết, ký tên trên các mẫu so sánh (biên bản hỏi cung, bản tự khai của Đàm Quang H) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H đề nghị tự bào chữa, không cần nhờ người khác bào chữa hộ mình. Bị cáo không thừa nhận mình đã chiếm đoạt của Công ty TNHH K1 số tiền 870.763.000 đồng. Bị cáo khai ngày 22/3/2023, bà T1 - Thủ quỹ xin nghỉ việc từ ngày 24/3/2023 nên bà T có giao cho bị cáo làm thay việc của bà T1 và nhận tiền mặt do bà T1 bàn giao cũng như trực tiếp thu của các lái xe từ ngày 23/3 đến ngày 27/3/2023 là 1.860.842.000 đồng, bị cáo đã nộp tiền mặt vào tài khoản Công ty với số tiền 1.055.000.000 đồng, số tiền mặt còn lại bị cáo cầm của Công ty là 790.000.000 đồng, ngày 26/3/2023, bị cáo làm mất số tiền 667.792.000 đồng mà bị cáo để trong cốp xe, số tiền mặt còn lại khoảng hơn 140.000.000 đồng đã trả lại cho lái xe sau khi nhận chuyển khoản. Đối với số tiền chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo trong thời gian từ ngày 23 đến ngày 27/3/2023 khoảng 711.000.0000 đồng là tiền của bị cáo, không liên quan gì đến tiền của Công ty. Tuy nhiên, do bị cáo làm mất tiền của Công ty cũng như đổi tiền mặt cho các lái xe nên bị cáo đã dùng số tiền 711.000.000 đồng trong tài khoản của bị cáo để chi thanh toán các khoản hoạt động của Công ty theo lệnh của bà T vì thế bị cáo chỉ còn cầm của Công ty số tiền 80.000.000 đồng nhưng bà T không chấp nhận cho bị cáo trả lại số tiền 80.000.000 đồng.

Đại diện của bị hại - Công ty TNHH K1, bà Phạm Thị Phương T trình bày: Về hình phạt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo H phải trả số tiền chiếm đoạt là 870.763.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Bị cáo dùng tiền của Công ty để mua chiếc điện thoại OPPO A17K nhưng do Công ty đã yêu cầu bị cáo trả lại 870.763.000 đồng nên Công ty không nhận chiếc điện thoại này. Đề nghị Tòa án trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mai T1 trình bày: Bà là Thủ quỹ của Công ty TNHH K1. Do có công việc riêng, nên ngày 23/3/2023 bà xin lãnh đạo Công ty cho nghỉ, lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo bà bàn giao quỹ tiền mặt cho Đàm Quang H, cụ thể: Ngày 23/3/2023 bà giao tiền tồn quỹ tiền cho H là 837.409.000 đồng (có biên bản giao nhận tiền) và 175.383.000 đồng tiền thu của các lái xe; ngày 27/3/2023, giao cho H 306.421.000 đồng (đáng lẽ phải giao đủ số tiền là 306.690.000 đồng nhưng do lái xe còn nợ nên chưa giao đủ cho H tiền thu của các lái xe). Tổng số tiền bà T1 giao cho bị cáo là 1.319.213.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các lái xe của Công ty: Giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, cụ thể: Trong các ngày từ ngày 22/3/2023 đến ngày 27/3/2023 có nộp tiền mặt cho H đồng thời chuyển khoản vào tài khoản 45510000830637 mở tại ngân hàng B1 mang tên Đàm Quang H, các số tiền giao nộp qua H đều là thu tiền hàng của Công ty, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn T3: Nộp tiền mặt 03 lần: lần 1: 37.000.000 đồng, lần 2: 37.800.000 đồng, lần 3: 25.900.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản 4 lần: lần 1: 3.856.000 đồng, lần 2: 961.000 đồng, lần 3: 892.000 đồng, lần 4: 4.187.000 đồng.

- Anh Lê Hữu D1: Nộp tiền mặt 03 lần: Lần 1: 10.000.000 đồng, lần 2: 20.300.000 đồng, lần 3: 14.400.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản 4 lần, lần 1: 9.750.000 đồng, lần 2: 13.853.000 đồng, lần 3: 18.868.000 đồng, lần 4: 16.456.000 đồng và lần 5: 5.162.000 đồng.

- Anh Nguyễn Xuân K nộp tiền mặt 02 lần, lần 1: 1.100.000 đồng, lần 2: 18.575.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản 5 lần: lần 1: 26.026.000 đồng, lần 2: 21.360.000 đồng, lần 3: 1.900.000 đồng, lần 4: 8.010.000 đồng và lần 5: 17.525.000 đồng.

- Anh Nguyễn Tài H2 nộp tiền mặt 02 lần: lần 1: 35.525.000 đồng, lần 2: 39.610.000 đồng và nộp qua tài khoản 4 lần: lần 1: 20.000.000 đồng, lần 2: 40.495.000 đồng, lần 3: 32.549.000 đồng và lần 4: 8.000.000 đồng.

- Ông Phạm Đức Q nộp tiền mặt là 32.000.000 đồng và 26.000.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản 05 lần, lần 1: 8.500.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng, lần 3: 7.445.000 đồng, lần 4: 4.326.000 đồng và lần 5: 3.600.000 đồng.

- Ông Chu Bá L1 nộp tiền mặt là 40.681.000 đồng, nộp tiền qua tài khoản là 03 lần, lần 1: 6.300.000 đồng, lần 2: 20.811.000đ đồng và lần 3: 4.000.000 đồng.

- Ông Phạm Anh C nộp tiền mặt hai lần với số tiền là 34.500.000 đồng và 17.000.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản 05 lần, lần 1: 18.295.000 đồng, lần 2: 19.000.000 đồng, lần 3: 1.600.000 đồng, lần 4: 11.785.000 đồng và lần 5: 20.000.000 đồng.

- Ông Bùi Gia H3 nộp tiền mặt: 18.015.000 đồng. Nộp qua tài khoản 30 lần, lần 1: 7.000.000 đồng, lần 2: 13.500.000 đồng, lần 3: 20.000.000 đồng.

- Anh Bùi Anh Đ nộp tiền mặt là 32.600.000 đồng.

- Ông Bùi Văn V nộp tiền mặt là 02 lần: 21.300.000 đồng và 24.500.000 đồng. Nộp tiền qua tài khoản là 7 lần, lần 1: 7.000.000 đồng, lần 2: 15.190.000 đồng, lần 3: 2.040.000 đồng, lần 4: 11.525.000 đồng, lần 5: 5.600.000 đồng, lần 6: 25.000.000 đồng, lần 7: 28.000.000 đồng.

- Anh Bùi Minh P nộp tiền qua tài khoản 02 lần với số tiền là 3.480.000 đồng và 2.900.000 đồng.

- Anh Lò Văn T4, nộp tiền mặt là 25.149.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các cá nhân mua hàng của Công ty TNHH K1 (ông C, chị V1, ông L2) khai: Trong ngày 27/3/2023, ông

Trần Quốc C1 chuyển khoản vào tài khoản số 45510000830637 mở tại ngân hàng B1 mang tên Đàm Quang H 2 lần với số tiền là 2.000.000 đồng và 7.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Bích V1 chuyển khoản 2 lần với số tiền là 48.350.000 đồng vào ngày 26/3/2023 và 42.300.000 đồng vào ngày 27/3/2023; ông Nguyễn Tài L2 chuyển khoản với số tiền là 51.455.000 đồng vào ngày 25/3/2023. Ông C1, chị V1, ông L2 đều khẳng định không quen biết H, việc chuyển tiền vào tài khoản 45510000830637 là do Công ty K1, chi nhánh H5 cung cấp số tài khoản để thanh toán tiền mua hàng (tiền cược vô bình ga, ga) cho Công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Lương Diệu L3 khai: Chị được Công ty TNHH G, địa chỉ: ngõ D, phường L, quận B, Hà Nội ủy quyền thu hồi nợ của các Công ty, trong đó có Công ty TNHH K1, chi nhánh H5 với số tiền là 1.605.763.000 đồng (theo văn bản ủy quyền số 02.03/UQ/VN/2023 ngày 23/3/2023). Từ ngày 22/3 đến ngày 27/3/2023, chị có thu nợ của Công ty do H chuyển khoản đến tài khoản 1029553397 mang tên Lương Diệu L3, cụ thể: ngày 22/3/2023, chuyển khoản số tiền 235.000.000 đồng, ngày 24/3/2023 nhận số tiền 200.000.000 đồng, ngày 27/3/2023, nhận số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài các lần trên, chị không thu nợ khoản tiền nào khác của Công ty TNHH K1, Chi nhánh H5.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn T2 có lời khai: Ngày 27/3/2023, được H thanh toán tiền mua vòng bi 4.810.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tiến S có lời khai: Ngày 24/3/2023, ông được H ứng trước tiền lương là 10.000.000 đồng, khi ứng lương ông có được ký vào sổ theo dõi thu, chi tiền mặt của Công ty.

Người làm chứng, bà Lương Thị S1 có lời khai: Bà là chủ sở hữu của Công ty K1, trong các ngày 28, 29/3/2023 và ngày 03/4/2023, bị cáo Đàm Quang H có nhắn tin qua zalo cho bà với nội dung: Do có việc riêng gia đình nên ngày 27/3/2023 bị cáo có sử dụng của Công ty hơn 800 triệu đồng. Bị cáo H có nói lời xin lỗi, mong được bà chấp nhận cho khắc phục, bà không đồng ý nên đã chỉ đạo cho bà T làm đơn gửi đến cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng, chị Bùi Thị Thu T5 trình bày: Chị T1 nghỉ làm việc vào hai ngày 24/3 và ngày 25/3/2023 nên H là người thu tiền của các lái xe. Trong thời gian từ ngày 23/3 đến ngày 27/3/2023, chị là người chứng kiến việc các lần bàn giao tiền giữa chị Nguyễn Thị Mai T1 và Đàm Quang H, tuy nhiên số tiền cụ thể như thế nào chị không nắm được số liệu chính xác.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn H4 có lời khai: Ngày 28/3/2023, ông có chuyển tiền 80.000.000đ vào tài khoản 45510000830637 mang tên Đàm Quang H, đây là số tiền mà cơ sở kinh doanh ga của ông thanh toán tiền cược vô bình ga cho Công ty TNHH K1. Tài khoản trên là do Công ty cung cấp, bản thân ông không quen biết, chưa gặp H bao giờ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều của 589 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 60, khoản 2 Điều 135, Điều 292, Điều 293 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đàm Quang H phạm tội: “Tham ô tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Đàm Quang H 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2023. Cấm bị cáo Đàm Quang H đảm nhiệm chức vụ kế toán trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Quang H phải bồi thường cho Công ty K1 số tiền đã chiếm đoạt là 870.763.000đ (*Tám trăm bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, bị cáo Đàm Quang H có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đàm Quang H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan. Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là bà Phạm Thị Phương T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M Thu giữ nguyên lời khai, khẳng định bị cáo Đàm Quang H đã lợi dụng việc được phân công thu tiền hàng đã không nộp về Công ty, chiếm đoạt của Công ty TNHH K1 số tiền 870.763.000 đồng, hiện chưa thanh toán trả Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đàm Quang H về tội: “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, chỉ có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mức án 17 (Mười bảy) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bị cáo H không phạm tội “Tham ô tài sản”; bị cáo làm mất tiền nên chưa nộp lại được cho Công ty; số tiền trong tài khoản cá nhân là của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội mà bản án sơ thẩm quy kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Đàm Quang H trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Hòa Bình trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đàm Quang H về việc kêu oan:

[4.1] Quá trình giải quyết tại cơ quan điều tra cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, mặc dù bị cáo không thừa nhận việc tham ô tài sản của Công ty TNHH K1. Căn cứ lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do có việc gia đình, bà Nguyễn Thị Mai T1 - Thủ quỹ của Công ty TNHH K1 đã xin lãnh đạo nghỉ làm việc vào ngày 24 và ngày 25/3/2023. Ngày 23/3/2023, bà Phạm Thị Phương T - Giám đốc phụ trách chi nhánh H5, thuộc Công ty TNHH K1 đã đồng ý cho bà T1 nghỉ và chỉ đạo bà T1 bàn giao quỹ tiền mặt cho Đàm Quang H - phụ trách bộ phận kế toán và giao Đàm Quang H thay bà T1 thu tiền hàng của Công ty từ các lái xe giao cũng như nhận tiền do các cơ sở kinh doanh ga thanh toán tiền mua hàng.

[4.2] Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 27/3/2023, bị cáo Đàm Quang H đã thu, nhận tổng số tiền là 2.571.599.000đ đồng, trong đó: Tiền mặt nhận từ bà T1 thủ quỹ bàn giao lại và tiền lái xe của Công ty T7 nộp cho H là 1.860.573.000 đồng; tiền chuyển khoản của các lái xe và cá nhân thanh toán tiền hàng cho Công ty vào tài khoản 4551000830637 mang tên Đàm Quang H là 711.026.000 đồng; trong đó tiền chuyển khoản từ ngày 23 đến ngày 27/3/2023: 687.001.000 đồng; ngày 22/3/2023, lái xe Nguyễn Xuân K chuyển tiền bán hàng 20.800.000 đồng và tiền tồn trong tài khoản 3.225.000 đồng.

[4.3] Bị cáo đã nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty là 1.055.000.000 đồng; cụ thể:

- Lần 1: Ngày 23/3/2023 nộp số tiền 345.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 24/3/2023 nộp số tiền 230.000.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 27/3/2023, nộp số tiền 480.000.000 đồng (trong 480.000.000 đồng này có 80.000.000 đồng rút ngày 27/3/2023 từ tài khoản mang tên Đàm Quang H ra nộp);
- Chi ứng lương cho ông Nguyễn Tiến S 10.000.000 đồng;

- Thanh toán tiền vòng bi cho ông Nguyễn Văn T2 4.810.000 đồng;
- Chuyển khoản thanh toán cho Công ty G1 thông qua bà Lương Diệu L3 500.000.000 đồng;
- Thanh toán liên quan đến hoạt động của Công ty 105.175.000 đồng, gồm thanh toán tiền báo cháy tự động 78.000.000 đồng, tiền phòng cháy 3.175.000 đồng, tiền hội 24.000.000 đồng; chuyển cho bà T 25.800.000 đồng vào ngày 28/3/2023 (*đây là tiền bà T yêu cầu chuyển do tiền còn tồn trong tài khoản là 3.225.000 đồng cộng với tiền hàng anh Nguyễn Xuân K chuyển 20.800.000 đồng ngày 22/3/2023*). Bị hại khẳng định số tiền 51.000 đồng tồn trong tài khoản mang tên H không xem xét vì số tiền này Công ty yêu cầu bị cáo dùng để đóng tài khoản.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo chi là 1.700.836.000 đồng.

[4.4] Sau khi đối trừ các khoản thu và chi, có đủ căn cứ xác định: Đàm Quang H còn quản lý của Công ty số tiền là 870.763.000 đồng nhưng không nộp vào tài khoản Công ty. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có lời khai làm mất số tiền 667.792.000 đồng và cho rằng sự việc này bà T có biết. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bản giải trình của bị cáo, tin nhắn của bị cáo gửi cho bà S1, kết quả xác minh tại cơ quan Công an cũng như các lái xe đều xác định không có sự việc bị cáo làm mất tiền như đã khai.

[4.5] Bị cáo cho rằng tiền tồn trong tài khoản, tiền các lái xe chuyển vào tài khoản của bị cáo trong thời gian từ ngày 23 đến ngày 27/3/2023 là tiền của bị cáo, không liên quan gì đến Công ty, việc các lái xe chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo với mục đích là để lấy tiền mặt nộp cho Công ty. Tuy nhiên bị cáo không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào thể hiện bị cáo đã giao tiền mặt cho các lái xe như bị cáo khai; còn các lái xe của Công ty khẳng định không có sự việc nhận lại tiền mặt sau khi chuyển khoản tiền hàng cho bị cáo như bị cáo đã khai. Đại diện bị hại xác định tài khoản mà bị cáo sử dụng với mục đích là để nhận tiền bán hàng của các lái xe cũng các đại lý thanh toán tiền cho Công ty. Căn cứ lời khai của đại diện cho bị hại, của những người liên quan cũng như đối chiếu giữa tài khoản của bị cáo và sổ quỹ tiền mặt của Công ty có đủ căn cứ xác định toàn bộ số tiền được chuyển vào tài khoản của bị cáo trong thời gian trên đều là tiền mà các lái xe thu và các đại lý mua sản phẩm của Công ty thanh toán cho Công ty, không phải tiền của bị cáo như bị cáo khai.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị cáo Đàm Quang H đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao cố ý chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH K1 với số tiền 870.763.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội: “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị kết án oan.

[6] Bị cáo Đàm Quang H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty TNHH K1, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty nói riêng và của các tổ chức kinh tế

nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, không tự giác thực hiện nghĩa vụ bồi thường số tiền chiếm đoạt và chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (có bố, mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương, Huy chương) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 17 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo việc giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH K1 số tiền chiếm đoạt là 870.763.000 đồng; quyết định về án phí và xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo; cần giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm như quan điểm của Kiểm sát viên đã phân tích và đề nghị tại phiên tòa.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Giữ nguyên toàn bộ quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình như sau:

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều của 589 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 60, khoản 2 Điều 135, Điều 292, Điều 293 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/NQ - UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đàm Quang H phạm tội: “Tham ô tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Đàm Quang H 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2023. Cấm bị cáo Đàm Quang H đảm nhiệm chức vụ kế toán trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Quang H phải bồi thường cho Công ty TNHH K1 số tiền đã chiếm đoạt là 870.763.000 đồng (T6 trăm bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Đàm Quang H 01 điện thoại OPPO A17k được đựng trong phong bì niêm phong dán kín, một mặt có ghi “01 điện thoại OPPO A17k màu xanh đen số Imei 1: 865532066895638; Imei 2: 865532066895620”. Trên mép dán có chữ ký của Trần Bá D2 và dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H. Tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại OPPO A17k để đảm bảo cho công tác thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 21/BB - GNVC ngày 07/3/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H).

4. Về án phí: Bị cáo Đàm Quang H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 38.122.890 (Ba mươi tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm chín mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh